

Số: 07/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn khoản 2 Điều 9 Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả áp dụng trong lĩnh vực tài chính

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian

lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn khoản 2 Điều 9 Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả (sau đây gọi là Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg) áp dụng trong lĩnh vực tài chính.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc xác định những hành vi được coi là hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực tài chính để làm cơ sở thực hiện hỗ trợ kinh phí chống buôn lậu, gian lận thương mại và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định tại Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg, bao gồm các nhóm hành vi:

1. Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan.
2. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí.
3. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá.
4. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán.
5. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.
6. Các hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các lực lượng có chức năng đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực tài chính.
2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực tài chính theo quy định tại Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg.

Điều 3. Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan

Các hành vi được coi là hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng

5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan, bao gồm các hành vi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, bao gồm các hành vi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực quản lý giá để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, bao gồm các hành vi tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kế toán để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, bao gồm các hành vi tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy

định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, bao gồm các hành vi tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Các hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hoá đơn

Các hành vi được coi là hành vi gian lận thương mại trong việc in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg được xác định theo các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn, bao gồm các hành vi Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu thực hiện theo quy định tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- TAND tối cao, VKSND tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ PC. (3cc)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

PHỤ LỤC I

Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan

(ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực hải quan	Quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP*; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP**
1	Khai báo và làm thủ tục không đúng thời hạn quy định khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế.	Điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
2	Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đúng thời hạn quy định.	Điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
3	Không tái xuất phương tiện vận tải nhập cảnh là ô tô chở người dưới 24 chỗ ngồi đúng thời hạn quy định.	Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
4	Không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, xuất xứ, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật.	Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
5	Khai báo hàng hóa nhập khẩu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không có cơ sở sản xuất hàng gia công, cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu.	Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
6	Khai khống về tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu; trừ hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất xuất khẩu, sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất.	Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP
7	Khai sai về đối tượng không chịu thuế.	Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP